

JFA バーモントカップ
第28回全日本U-12フットサル選手権大会愛媛県大会 1次ラウンド結果(6月30日)

【予選リーグ】
Eブロック

	三津浜	トレーフル	喜多	勝ち	負け	PK勝	PK負	勝ち点	得点	失点	得失点	順位				
三津浜		● 1 <table border="1"><tr><td>0 - 5</td></tr><tr><td>1 - 1</td></tr></table> 6	0 - 5	1 - 1	● 0 <table border="1"><tr><td>0 - 2</td></tr><tr><td>0 - 3</td></tr></table> 5	0 - 2	0 - 3	0	2	0	0	0	1	11	-10	3
0 - 5																
1 - 1																
0 - 2																
0 - 3																
トレーフル	○ 6 <table border="1"><tr><td>5 - 0</td></tr><tr><td>1 - 1</td></tr></table> 1	5 - 0	1 - 1		● 3 <table border="1"><tr><td>1 - 6</td></tr><tr><td>2 - 1</td></tr></table> 7	1 - 6	2 - 1	1	1	0	0	4	9	8	1	2
5 - 0																
1 - 1																
1 - 6																
2 - 1																
喜多	○ 5 <table border="1"><tr><td>2 - 0</td></tr><tr><td>3 - 0</td></tr></table> 0	2 - 0	3 - 0	○ 7 <table border="1"><tr><td>6 - 1</td></tr><tr><td>1 - 2</td></tr></table> 3	6 - 1	1 - 2		2	0	0	0	8	12	3	9	1
2 - 0																
3 - 0																
6 - 1																
1 - 2																

Fブロック

	素鷲	久枝	伊予	勝ち	負け	PK勝	PK負	勝ち点	得点	失点	得失点	順位				
素鷲		● 1 <table border="1"><tr><td>1 - 4</td></tr><tr><td>0 - 1</td></tr></table> 5	1 - 4	0 - 1	● 0 <table border="1"><tr><td>0 - 7</td></tr><tr><td>0 - 9</td></tr></table> 16	0 - 7	0 - 9	0	2	0	0	0	1	21	-20	3
1 - 4																
0 - 1																
0 - 7																
0 - 9																
久枝	○ 5 <table border="1"><tr><td>4 - 1</td></tr><tr><td>1 - 0</td></tr></table> 1	4 - 1	1 - 0		● 3 <table border="1"><tr><td>1 - 7</td></tr><tr><td>2 - 2</td></tr></table> 9	1 - 7	2 - 2	1	1	0	0	4	8	10	-2	2
4 - 1																
1 - 0																
1 - 7																
2 - 2																
伊予	○ 16 <table border="1"><tr><td>7 - 0</td></tr><tr><td>9 - 0</td></tr></table> 0	7 - 0	9 - 0	○ 9 <table border="1"><tr><td>7 - 1</td></tr><tr><td>2 - 2</td></tr></table> 3	7 - 1	2 - 2		2	0	0	0	8	25	3	22	1
7 - 0																
9 - 0																
7 - 1																
2 - 2																

Gブロック

	FC西条B	石井東	小野	勝ち	負け	PK勝	PK負	勝ち点	得点	失点	得失点	順位				
FC西条B		● 0 <table border="1"><tr><td>0 - 0</td></tr><tr><td>0 - 2</td></tr></table> 2	0 - 0	0 - 2	● 0 <table border="1"><tr><td>0 - 6</td></tr><tr><td>0 - 4</td></tr></table> 10	0 - 6	0 - 4	0	2	0	0	0	0	12	-12	3
0 - 0																
0 - 2																
0 - 6																
0 - 4																
石井東	○ 2 <table border="1"><tr><td>0 - 0</td></tr><tr><td>2 - 0</td></tr></table> 0	0 - 0	2 - 0		● 1 <table border="1"><tr><td>1 - 1</td></tr><tr><td>0 - 3</td></tr></table> 4	1 - 1	0 - 3	1	1	0	0	4	3	4	-1	2
0 - 0																
2 - 0																
1 - 1																
0 - 3																
小野	○ 10 <table border="1"><tr><td>6 - 0</td></tr><tr><td>4 - 0</td></tr></table> 0	6 - 0	4 - 0	○ 4 <table border="1"><tr><td>1 - 1</td></tr><tr><td>3 - 0</td></tr></table> 1	1 - 1	3 - 0		2	0	0	0	8	14	1	13	1
6 - 0																
4 - 0																
1 - 1																
3 - 0																

Hブロック

	潮見	堀江	グランドメリー	勝ち	負け	PK勝	PK負	勝ち点	得点	失点	得失点	順位				
潮見		○ 3 <table border="1"><tr><td>1 - 0</td></tr><tr><td>2 - 1</td></tr></table> 1	1 - 0	2 - 1	○ 8 <table border="1"><tr><td>3 - 0</td></tr><tr><td>5 - 0</td></tr></table> 0	3 - 0	5 - 0	2	0	0	0	8	11	1	10	1
1 - 0																
2 - 1																
3 - 0																
5 - 0																
堀江	● 1 <table border="1"><tr><td>0 - 1</td></tr><tr><td>1 - 2</td></tr></table> 3	0 - 1	1 - 2		○ 5 <table border="1"><tr><td>3 - 1</td></tr><tr><td>2 - 0</td></tr></table> 1	3 - 1	2 - 0	1	1	0	0	4	6	4	2	2
0 - 1																
1 - 2																
3 - 1																
2 - 0																
グランドメリー	● 0 <table border="1"><tr><td>0 - 3</td></tr><tr><td>0 - 5</td></tr></table> 8	0 - 3	0 - 5	● 1 <table border="1"><tr><td>1 - 3</td></tr><tr><td>0 - 2</td></tr></table> 5	1 - 3	0 - 2		0	2	0	0	0	1	13	-12	3
0 - 3																
0 - 5																
1 - 3																
0 - 2																

【代表決定戦】

E1位	喜多	● 1 <table border="1"><tr><td>0 - 1</td></tr><tr><td>1 - 4</td></tr></table> 5	0 - 1	1 - 4	○ 久枝	F2位
0 - 1						
1 - 4						

F1位	伊予	○ 5 <table border="1"><tr><td>1 - 1</td></tr><tr><td>4 - 0</td></tr></table> 1	1 - 1	4 - 0	● トレーフル	E2位
1 - 1						
4 - 0						

G1位	小野	○ 5 <table border="1"><tr><td>1 - 0</td></tr><tr><td>4 - 1</td></tr></table> 1	1 - 0	4 - 1	● 堀江	H2位
1 - 0						
4 - 1						

H1位	潮見	○ 5 <table border="1"><tr><td>4 - 1</td></tr><tr><td>1 - 1</td></tr></table> 2	4 - 1	1 - 1	● 石井東	G2位
4 - 1						
1 - 1						